TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 1 **Thi tại phòng: 106**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600001	6A8	Lê Trường An	21-01-2006						
2	600002	6A4	Ngô Mai An	19-12-2006						
3	600003	6A4	Nguyễn Thị Việt An	04-05-2006						
4	600004	6A4	Phạm Lê Thái An	26-12-2006						
5	600005	6A6	Trần Hồng An	29-08-2006						
6	600006	6A8	Bùi Nhật Anh	05-05-2006						
7	600007	6A8	Chử Quang Anh	23-01-2006						
8	600008	6A1	Dương Đức Anh	26-09-2006						
9	600009	6A8	Đào Lê Anh	12-12-2006						
10	600010	6A2	Đậu Đức Anh	03-05-2006						
11	600011	6A2	Đinh Vân Anh	04-09-2006						
12	600012	6A6	Đoàn Lê Diệp Anh	21-02-2006						
13	600013	6A3	Đỗ Diệp Anh	26-09-2006						
14	600014	6A5	Đỗ Hoàng Anh	09-01-2006						
15	600015	6A8	Đỗ Lê Đức Anh	11-01-2006						
16	600016	6A4	Hoàng Bảo Anh	08-10-2006						
17	600017	6A1	Hoàng Diệu Anh	22-05-2006						
18	600018	6A1	Hoàng Phương Anh	25-04-2006						
19	600019	6A2	Hoàng Tích Nam Anh	03-06-2006						
20	600020	6A2	Hoàng Vi Anh	03-06-2006						
21	600021	6A7	Khuất Liên Anh	24-08-2006						
22	600022	6A2	Kiều Quỳnh Anh	29-11-2006						
23	600023	6A3	Lê Hoàng Mai Anh	13-04-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 2 **Thi tại phòng: 105**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600024	6A7	Lê Minh Anh	01-08-2006						
2	600025	6A2	Lê Thị Lan Anh	29-12-2006						
3	600026	6A1	Lưu Trần Minh Anh	22-09-2006						
4	600027	6A1	Ngô Đức Anh	16-07-2006						
5	600028	6A7	Ngô Hà Quỳnh Anh	03-06-2006						
6	600029	6A4	Ngô Quỳnh Anh	31-10-2006						
7	600030	6A8	Nguyễn Duy Anh	05-06-2006						
8	600031	6A6	Nguyễn Hà Anh	30-08-2006						
9	600032	6A3	Nguyễn Nhật Anh	24-01-2006						
10	600033	6A1	Nguyễn Phương Anh	12-12-2006						
11	600034	6A3	Nguyễn Tân Tuấn Anh	20-04-2006						
12	600035	6A4	Nguyễn Trâm Anh	29-09-2006						
13	600036	6A7	Nguyễn Vũ Đức Anh	12-09-2006						
14	600037	6A3	Phạm Nguyệt Anh	19-12-2006						
15	600038	6A1	Phạm Trâm Anh	08-03-2006						
16	600039	6A7	Tạ Nguyễn Đăng Anh	10-07-2006						
17	600040	6A5	Tô Nguyệt Anh	06-10-2006						
18	600041	6A4	Trần Lê Thảo Anh	25-11-2006						
19	600042	6A3	Trần Minh Anh	11-01-2006						
20	600043	6A6	Trần Phi Anh	22-07-2006						
21	600044	6A8	Trần Quang Anh	12-10-2006						
22	600045	6A4	Trịnh Đức Anh	25-06-2006						
23	600046	6A3	Vũ Huy Anh	20-01-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 3 **Thi tại phòng: 103**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600047	6A5	Vũ Tuấn Anh	01-12-2006						
2	600048	6A3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20-06-2006						
3	600049	6A8	Tô Nguyễn Thiện Ân	19-11-2006						
4	600050	6A7	Ngô Đức Bách	09-12-2006						
5	600051	6A7	Nguyễn Viết Bách	29-01-2006						
6	600052	6A3	Trần Gia Bách	26-05-2006						
7	600053	6A5	Đào Lý Gia Bảo	17-03-2006						
8	600054	6A6	Huỳnh Kim Gia Bảo	08-09-2006						
9	600055	6A7	Lăng Duy Bảo	05-07-2006						
10	600056	6A4	Phạm Gia Bảo	10-01-2006						
11	600057	6A4	Mã Ngọc Nam Bình	04-12-2006						
12	600058	6A4	Nguyễn Hữu Cảnh	20-10-2006						
13	600059	6A4	Lê Minh Châu	29-06-2006						
14	600060	6A7	Lưu Vũ Minh Châu	13-12-2006						
15	600061	6A7	Nguyễn Bảo Châu	01-05-2006						
16	600062	6A7	Nguyễn Bảo Châu	01-11-2006						
17	600063	6A2	Nguyễn Minh Châu	21-04-2006						
18	600064	6A4	Nguyễn Thị Minh Châu	10-06-2006						
19	600065	6A8	Nhữ Minh Châu	09-08-2006						
20	600066	6A3	Nguyễn Hà Chi	13-12-2006						
21	600067	6A7	Nguyễn Khánh Chi	07-06-2006						
22	600068	6A8	Nguyễn Khánh Hà Chi	12-08-2006						
23	600069	6A5	Nguyễn Tùng Chi	22-01-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 4 **Thi tại phòng: 100**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600070	6A7	Phạm Tùng Chi	15-09-2006						
2	600071	6A3	Vũ Ngọc Lan Chi	26-04-2006						
3	600072	6A6	Ngô Đại Chí	14-08-2006						
4	600073	6A2	Đỗ Duy Công	12-05-2006						
5	600074	6A1	Nguyễn Chí Dân	20-11-2006						
6	600075	6A5	Bùi Việt Dũng	29-01-2006						
7	600076	6A8	Nguyễn Đức Dũng	08-03-2006						
8	600077	6A2	Nguyễn Lê Dũng	27-08-2006						
9	600078	6A1	Nguyễn Nghĩa Dũng	23-07-2006						
10	600079	6A3	Nguyễn Việt Dũng	03-01-2006						
11	600080	6A8	Phạm Kiên Dũng	22-01-2006						
12	600081	6A4	Nguyễn Sơn Duy	04-03-2006						
13	600082	6A4	Phạm Đỗ Duy	12-03-2006						
14	600083	6A8	Cao Văn Tùng Dương	08-07-2006						
15	600084	6A4	Nguyễn Ánh Dương	24-07-2006						
16	600085	6A1	Nguyễn Thành Dương	14-10-2006						
17	600086	6A6	Trần Văn Dương	23-01-2006						
18	600087	6A8	Trương Hải Dương	18-09-2006						
19	600088	6A6	Vũ Tùng Dương	25-07-2006						
20	600089	6A7	Trần Hoàng Linh Đan	26-11-2006						
21	600090	6A6	Đinh Tiến Đạt	15-08-2006						
22	600091	6A6	Nguyễn Duy Tuấn Đạt	12-12-2006						
23	600092	6A7	Nguyễn Thế Đạt	01-01-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 5 **Thi tại phòng: 201**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600093	6A8	Phạm Quốc Đạt	13-11-2006						
2	600094	6A6	Trần Đức Đạt	01-11-2006						
3	600095	6A1	Trần Xuân Quang Đạt	21-12-2006						
4	600096	6A3	Lê Minh Đăng	29-05-2006						
5	600097	6A6	Dương Anh Đức	12-03-2006						
6	600098	6A4	Huỳnh Minh Đức	15-01-2006						
7	600099	6A5	Lê Anh Đức	14-06-2006						
8	600100	6A2	Lê Minh Đức	13-02-2006						
9	600101	6A7	Ngô Đăng Đức	11-07-2006						
10	600102	6A5	Phạm Minh Đức	16-05-2006						
11	600103	6A3	Đặng Linh Giang	17-10-2006						
12	600104	6A3	Lê Ngân Giang	19-02-2006						
13	600105	6A6	Nguyễn Hiền Xuân Giang	13-01-2006						
14	600106	6A1	Nguyễn Trường Giang	17-04-2006						
15	600107	6A5	Lê Thị Nguyệt Hà	16-03-2006						
16	600108	6A8	Nguyễn Cảnh Văn Hà	02-09-2006						
17	600109	6A2	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20-11-2006						
18	600110	6A1	Nguyễn Vân Hà	28-11-2006						
19	600111	6A1	Nguyễn Vân Hà	04-12-2006						
20	600112	6A5	Phạm Đặng Thái Hà	12-09-2006						
21	600113	6A5	Trần Thanh Hà	11-04-2006						
22	600114	6A8	Hồ Việt Hải	28-02-2006						
23	600115	6A5	Nguyễn Mai Hạnh	07-05-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 6 **Thi tại phòng: 202**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600116	6A3	Nguyễn Minh Hằng	27-12-2006						
2	600117	6A7	Đặng Minh Hiển	07-02-2006						
3	600118	6A2	Phạm Gia Hiển	12-05-2006						
4	600119	6A5	Vũ Quang Hiển	21-09-2006						
5	600120	6A3	Lục Đức Hiếu	23-05-2006						
6	600121	6A2	Nguyễn Công Hiếu	13-07-2006						
7	600122	6A6	Nguyễn Đức Hiếu	31-03-2006						
8	600123	6A4	Nguyễn Ngọc Hiếu	16-07-2006						
9	600124	6A2	Quản Đức Hiếu	03-02-2006						
10	600125	6A3	Trần Vũ Chí Hiếu	08-11-2006						
11	600126	6A7	Nguyễn Huy Hiệu	25-11-2006						
12	600127	6A8	Đàm Thị Linh Hoa	27-11-2006						
13	600128	6A2	Cấn Đỗ Huy Hoàng	09-09-2006						
14	600129	6A6	Đỗ Minh Hoàng	31-05-2006						
15	600130	6A6	Nguyễn Việt Hoàng	31-01-2006						
16	600131	6A1	Phí Nguyên Hoàng	26-09-2006						
17	600132	6A6	Trương Việt Hoàng	16-01-2006						
18	600133	6A4	Nguyễn Minh Hùng	29-03-2006						
19	600134	6A6	Nguyễn Tuấn Hùng	06-08-2006						
20	600135	6A8	Nguyễn Tuấn Hùng	10-03-2006						
21	600136	6A8	Phạm Hùng	12-11-2006						
22	600137	6A6	Đặng Gia Huy	26-07-2006						
23	600138	6A1	Đặng Quốc Huy	11-08-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 7 **Thi tại phòng: 203**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600139	6A4	Hà Quang Huy	12-11-2006						
2	600140	6A4	Nguyễn Nhật Huy	04-04-2006						
3	600141	6A4	Từ Quang Huy	27-12-2006						
4	600142	6A2	Vũ Gia Huy	27-11-2006						
5	600143	6A7	Giang Lâm Ngọc Huyền	22-05-2006						
6	600144	6A8	Quách Thị Thu Huyền	09-04-2006						
7	600145	6A6	Tạ Minh Huyền	23-12-2006						
8	600146	6A3	Đặng Duy Hưng	26-10-2006						
9	600147	6A7	Nguyễn Phúc Hưng	30-10-2006						
10	600148	6A4	Phan Quang Hưng	04-08-2006						
11	600149	6A8	Vũ Khải	22-02-2006						
12	600150	6A4	Lưu Đức Khang	03-03-2006						
13	600151	6A8	Nguyễn Khanh	20-10-2006						
14	600152	6A4	Bùi Nam Khánh	09-04-2006						
15	600153	6A2	Ngô Đình Khánh	03-11-2006						
16	600154	6A4	Nguyễn Công Khánh	07-12-2006						
17	600155	6A3	Nguyễn Nam Khánh	20-05-2006						
18	600156	6A4	Nguyễn Ngọc Khánh	17-01-2006						
19	600157	6A5	Phạm Mai Khánh	27-10-2006						
20	600158	6A3	Phùng Minh Khánh	25-06-2006						
21	600159	6A6	Tạ Hoàng Bảo Khánh	08-10-2006						
22	600160	6A1	Đặng Tài Khoa	07-08-2006						
23	600161	6A1	Lê Tuấn Khôi	24-06-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 8 **Thi tại phòng: 204**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600162	6A6	Nguyễn Đăng Khôi	18-11-2006						
2	600163	6A5	Nguyễn Minh Khôi	11-07-2006						
3	600164	6A3	Nguyễn Nguyên Khôi	22-08-2006						
4	600165	6A6	Trần Minh Khôi	28-08-2006						
5	600166	6A1	Trần Minh Khuê	27-04-2006						
6	600167	6A8	Bùi Tuấn Kiên	12-06-2006						
7	600168	6A1	Vũ Đình Kiên	28-01-2006						
8	600169	6A6	Hoàng Tuấn Kiệt	01-04-2006						
9	600170	6A2	Nguyễn Đình Lâm Kỳ	02-11-2006						
10	600171	6A4	Đinh Hiểu Lam	09-11-2006						
11	600172	6A7	Nguyễn Phạm Bảo Lam	10-08-2006						
12	600173	6A8	Hồ Huy Lâm	31-08-2006						
13	600174	6A3	Phạm Tuấn Tùng Lâm	12-05-2006						
14	600175	6A5	Trần Hải Lâm	11-04-2006						
15	600176	6A4	Nguyễn Trường Lân	20-05-2006						
16	600177	6A2	Bùi Nguyễn Nhật Linh	18-08-2006						
17	600178	6A2	Chu Phụng Linh	17-10-2006						
18	600179	6A1	Đào Ngọc Khánh Linh	05-06-2006						
19	600180	6A3	Đỗ Ngọc Linh	28-08-2006						
20	600181	6A1	Hà Ngọc Linh	18-11-2006						
21	600182	6A7	Lê Nhật Linh	10-04-2006						
22	600183	6A2	Mạc Lê Phương Linh	25-08-2006						
23	600184	6A1	Ngô Ngọc Linh	04-12-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 9 **Thi tại phòng: 206**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600185	6A5	Nguyễn Gia Linh	27-01-2006						
2	600186	6A5	Nguyễn Gia Linh	08-05-2006						
3	600187	6A7	Nguyễn Hà Linh	03-04-2006						
4	600188	6A3	Nguyễn Hải Linh	24-11-2006						
5	600189	6A3	Nguyễn Hạnh Linh	13-10-2006						
6	600190	6A2	Nguyễn Khánh Linh	09-05-2006						
7	600191	6A2	Nguyễn Ngọc Hà Linh	01-12-2006						
8	600192	6A2	Nguyễn Thị Trang Linh	10-10-2006						
9	600193	6A8	Phạm Lê Phương Linh	01-06-2006						
10	600194	6A7	Phạm Tú Linh	03-09-2006						
11	600195	6A2	Tạ Phương Linh	27-12-2006						
12	600196	6A5	Trần Diệu Linh	15-07-2006						
13	600197	6A8	Trần Thùy Linh	01-07-2006						
14	600198	6A3	Vũ Diệu Linh	12-08-2006						
15	600199	6A3	Vũ Phương Linh	10-07-2006						
16	600200	6A7	Vũ Thị Trang Linh	08-08-2006						
17	600201	6A8	Nguyễn Tuấn Long	26-11-2006						
18	600202	6A6	Phạm Hoàng Long	07-01-2006						
19	600203	6A5	Trần Hoàng Long	19-10-2006						
20	600204	6A4	Vũ Đình Long	29-12-2006						
21	600205	6A5	Công Xuân Lộc	15-08-2006						
22	600206	6A2	Trương Gia Lộc	19-09-2006						
23	600207	6A7	Đỗ Đức Lương	05-01-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 10 **Thi tại phòng: 210**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600208	6A3	Lê Khánh Ly	03-01-2006						
2	600209	6A6	Phạm Khánh Ly	22-05-2006						
3	600210	6A5	Bùi Đức Mạnh	02-03-2006						
4	600211	6A8	Lâm Tuấn Mạnh	08-07-2006						
5	600212	6A3	Bùi Quang Minh	26-06-2006						
6	600213	6A6	Đặng Vũ Hoàng Minh	01-03-2006						
7	600214	6A5	Đoàn Tuấn Minh	05-03-2006						
8	600215	6A5	Đỗ Quang Minh	08-07-2006						
9	600216	6A8	Đỗ Xuân Tuấn Minh	07-12-2006						
10	600217	6A1	Đường Lê Tuệ Minh	13-06-2006						
11	600218	6A4	Lê Diên Nhật Minh	08-08-2006						
12	600219	6A4	Lê Đức Minh	21-10-2006						
13	600220	6A4	Lê Khả Nhật Minh	06-04-2006						
14	600221	6A8	Lưu Hồng Minh	25-12-2006						
15	600222	6A2	Nguyễn Đinh Nhật Minh	17-10-2006						
16	600223	6A8	Nguyễn Đức Minh	14-10-2006						
17	600224	6A2	Nguyễn Ngọc Minh	03-05-2006						
18	600225	6A3	Nguyễn Nhật Minh	01-01-2006						
19	600226	6A6	Nguyễn Nhật Minh	06-04-2006						
20	600227	6A6	Nguyễn Quang Minh	29-09-2006						
21	600228	6A3	Nguyễn Tuệ Minh	20-10-2006						
22	600229	6A6	Phạm Lê Minh	30-12-2006						
23	600230	6A6	Phan Tuấn Minh	09-06-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 11 **Thi tại phòng: 211**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600231	6A1	Phùng Thế Minh	22-10-2006						
2	600232	6A6	Trang Bảo Minh	14-01-2006						
3	600233	6A7	Trần Bình Minh	19-06-2006						
4	600234	6A1	Trần Đức Minh	31-10-2006						
5	600235	6A5	Trần Đức Minh	14-05-2006						
6	600236	6A4	Trần Ngọc Minh	05-09-2006						
7	600237	6A7	Trần Quang Minh	08-01-2006						
8	600238	6A2	Vũ Quang Minh	11-06-2006						
9	600239	6A8	Ngô Lưu Hà My	08-01-2006						
10	600240	6A1	Nguyễn Hà My	18-09-2006						
11	600241	6A3	Phạm Huyền My	10-02-2006						
12	600242	6A8	Trần Hà My	08-01-2006						
13	600243	6A1	Dương Đình Nam	16-11-2006						
14	600244	6A8	Nguyễn Phú Hải Nam	13-02-2006						
15	600245	6A1	Phạm Bảo Nam	28-12-2006						
16	600246	6A7	Phạm Hoài Nam	17-04-2006						
17	600247	6A1	Phạm Hoàng Nam	29-10-2006						
18	600248	6A7	Nguyễn Đỗ Bảo Ngân	27-08-2006						
19	600249	6A4	Hoàng Minh Ngọc	06-12-2006						
20	600250	6A1	Lâm Tuệ Ngọc	29-12-2006						
21	600251	6A2	Nguyễn Minh Ngọc	13-12-2006						
22	600252	6A8	Nguyễn Minh Ngọc	12-12-2006						
23	600253	6A8	Phương Minh Ngọc	30-05-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 12 **Thi tại phòng: 212**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600254	6A4	Tạ Bích Ngọc	07-03-2006						
2	600255	6A6	Hoàng Lê Thu Nguyên	06-04-2006						
3	600256	6A8	Lã Phúc Nguyên	21-03-2006						
4	600257	6A7	Ngô Bảo Nguyên	23-03-2006						
5	600258	6A5	Nguyễn Hoàng Nguyên	28-08-2006						
6	600259	6A3	Nguyễn Mai Nguyên	17-11-2006						
7	600260	6A2	Nguyễn Tố Nguyên	17-08-2006						
8	600261	6A5	Phạm Phan Thảo Nguyên	09-09-2006						
9	600262	6A7	Vũ Chí Nguyên	17-04-2006						
10	600263	6A5	Hà Ánh Nguyệt	12-11-2006						
11	600264	6A1	Phạm Lê Minh Nhật	08-03-2006						
12	600265	6A5	Bùi Nguyệt Nhi	09-03-2006						
13	600266	6A5	Lương Quỳnh Nhi	13-04-2006						
14	600267	6A1	Phạm Hương Nhi	19-04-2006						
15	600268	6A2	Trần Thảo Như	02-03-2006						
16	600269	6A6	Nguyễn Nữ Ngọc Ninh	04-02-2006						
17	600270	6A6	Hà Minh Phong	09-12-2006						
18	600271	6A2	Ngô Lâm Phong	27-09-2006						
19	600272	6A1	Phạm Vũ Phong	29-09-2006						
20	600273	6A6	Nguyễn Minh Phúc	27-04-2006						
21	600274	6A7	Nguyễn Minh Phúc	08-12-2006						
22	600275	6A6	Bùi Tuấn Phương	03-05-2006						
23	600276	6A4	Đàm Thị Mai Phương	05-08-2006						
24										
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 13 **Thi tại phòng: 215**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600277	6A8	Nguyễn Mai Phương	21-01-2006						
2	600278	6A4	Nguyễn Ngọc Hà Phương	31-12-2006						
3	600279	6A7	Tô Thảo Phương	27-03-2006						
4	600280	6A7	Trần Lê Phương	19-03-2006						
5	600281	6A2	Vũ Hà Phương	11-10-2006						
6	600282	6A1	Đặng Đức Quang	21-06-2006						
7	600283	6A6	Đinh Đại Quang	25-11-2006						
8	600284	6A6	Đỗ Nhật Quang	31-01-2006						
9	600285	6A3	Nguyễn Phú Quang	19-01-2006						
10	600286	6A7	Nguyễn Phú Quang	02-02-2006						
11	600287	6A8	Bùi Anh Quân	28-10-2006						
12	600288	6A7	Đinh Anh Quân	27-12-2006						
13	600289	6A2	Nguyễn Minh Quân	01-08-2006						
14	600290	6A4	Nguyễn Ngọc Quân	25-02-2006						
15	600291	6A1	Trần Hồng Quân	13-09-2006						
16	600292	6A2	Bùi Thế Sơn	16-11-2006						
17	600293	6A5	Đinh Nam Sơn	21-03-2006						
18	600294	6A1	Đỗ Đức Sơn	19-06-2006						
19	600295	6A5	Lê Kim Hoa Sơn	16-12-2006						
20	600296	6A5	Lê Trung Sơn	27-02-2006						
21	600297	6A4	Nguyễn Hoàng Thái Sơn	14-09-2006						
22	600298	6A6	Nguyễn Xuân Sơn	06-03-2006						
23	600299	6A5	Trần Đức Sơn	11-12-2006						
24	600300	6A8	Nguyễn Duy Thái	17-06-2006						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 14 **Thi tại phòng: 216**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600301	6A8	Thiều Quang Thái	05-06-2006						
2	600302	6A7	Dương Hoài Thanh	29-09-2006						
3	600303	6A5	Nguyễn Ngọc Thanh	05-07-2006						
4	600304	6A5	Phan Thị An Thanh	21-01-2006						
5	600305	6A5	Lê Huy Thành	09-10-2006						
6	600306	6A5	Phạm Chí Thành	03-01-2006						
7	600307	6A7	Đặng Minh Thảo	24-11-2006						
8	600308	6A3	Khuất Phương Thảo	07-08-2006						
9	600309	6A3	Lê Phương Thảo	11-01-2006						
10	600310	6A2	Nghiêm Phương Thảo	22-12-2006						
11	600311	6A7	Trần Thị Thanh Thảo	22-03-2006						
12	600312	6A4	Trần Đức Thắng	06-03-2006						
13	600313	6A7	Võ Việt Thịnh	23-03-2006						
14	600314	6A6	Hà Minh Thư	19-08-2006						
15	600315	6A3	Nguyễn Anh Thư	16-04-2006						
16	600316	6A4	Nguyễn Anh Thư	13-03-2006						
17	600317	6A3	Đào Hoàng Minh Tiến	26-05-2006						
18	600318	6A6	Trần Thu Trà	21-10-2006						
19	600319	6A5	Lê Phước Quỳnh Trang	12-04-2006						
20	600320	6A8	Ngô Thùy Trang	30-01-2006						
21	600321	6A2	Nguyễn Minh Trang	29-08-2006						
22	600322	6A1	Nguyễn Ngọc Đoan Trang	27-03-2006						
23	600323	6A3	Nguyễn Thị Huyền Trang	25-08-2006						
24	600324	6A4	Trần Ngọc Minh Trang	11-02-2006						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 6

Phòng thi số: 15 **Thi tại phòng: 218**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	600325	6A2	Lê Nguyễn Bảo Trân	24-01-2006						
2	600326	6A2	Vũ Huỳnh Huyền Trân	26-01-2006						
3	600327	6A3	Đoàn Đức Trí	12-06-2006						
4	600328	6A1	Nguyễn Đức Trí	24-09-2006						
5	600329	6A8	Nguyễn Duy Triết	17-12-2006						
6	600330	6A2	Ứng Trọng Trình	09-09-2006						
7	600331	6A7	Nguyễn Duy Đức Trọng	16-06-2006						
8	600332	6A5	Nguyễn Tuấn Trọng	25-10-2006						
9	600333	6A7	Trần Thanh Trúc	30-05-2006						
10	600334	6A3	Nguyễn Đức Bảo Trung	03-01-2006						
11	600335	6A2	Phùng Chí Trung	19-01-2006						
12	600336	6A2	Văn Viết Thái Trung	07-08-2006						
13	600337	6A5	Nguyễn Công Trực	26-05-2006						
14	600338	6A1	Võ Anh Tú	29-01-2006						
15	600339	6A2	Vũ Bảo Tuân	03-02-2006						
16	600340	6A3	Nguyễn Anh Tuấn	02-07-2006						
17	600341	6A6	Hoàng Lâm Tùng	26-11-2006						
18	600342	6A2	Nguyễn Hà Vi	08-06-2006						
19	600343	6A5	Đào Công Vinh	03-10-2006						
20	600344	6A6	Đinh Hồng Vinh	22-10-2006						
21	600345	6A3	Nguyễn Công Vinh	24-08-2006						
22	600346	6A5	Nguyễn Danh Hiển Vinh	10-10-2006						
23	600347	6A1	Quản Đông Hải Vy	17-11-2006						
24	600348	6A4	Phạm Kim Yến	29-04-2006						
25										